TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 4 năm 2024
"V/v Tranh chấp ranh giới QSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hứa Quang Thông

- *Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/01/2024, 26/3/2024 và 22/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 30/01/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 45/TB-TA ngày 27/02/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 62/2024/QĐPT-DS ngày 26/3/2024 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Tỷ P1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 23, đường Hai Bà Trưng, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Ánh T: Ông Trần Huỳnh V1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 4, khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Minh Hoàng, sinh năm 1982;

2. Chị Nguyễn Thị Thanh C5, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số nhà 23, đường Hai Bà Trưng, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt đầy đủ tại phiên tòa).

Người kháng cáo: Chị Trần Thị Ánh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Lương Tỷ P1 trình bày:

Nguồn gốc đất do bà P1 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thanh Thiên H3 vào khoảng năm 2004 với diện tích 223,6m^2, thuộc thửa 1924, tờ bản đồ 29, loại đất cây lâu năm. Giá chuyển nhượng là 45.000.000 đồng, bà P1 đã giao đủ tiền cho bà H3, bà H3 đã giao đất và sang tên quyền sử dụng đất cho bà P1 vào năm 2004. Khi chuyển nhượng có đo đạc đủ diện tích. Lúc bấy giờ người giáp ranh là ông Lương Thanh V1 (hiện nay do ông Phạm Ngọc Huỳnh giáp ranh) và người giáp ranh là ông Trần Văn T1 (hiện nay là bà Nguyễn Thị Liên Đài và bà Trần Thị Ánh T giáp ranh).

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà H3 đến nay thì bà P1 chưa sử dụng để xây dựng công trình, nhà ở nên phần đất vẫn còn để trống.

Ngày 19/10/2021 bà P1 xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1924, tờ bản đồ số 29, diện tích 223,6m^2, đất tọa lạc tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh (khi cấp đổi không có đo đạc nhưng chưa phát sinh tranh chấp). Sau khi bà P1 cấp đổi giấy đất xong thì phía bà T có tiến hành xây dựng công trình nhà trọ. Nhưng phần đất của bà P1 lại giáp ranh với thửa đất số 6542, tờ bản đồ số 29, diện tích 190,5m^2, tọa lạc tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh do bà Trần Thị Ánh T (được thừa kế đất từ ông T1) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất của bà T đã được xây dựng nhà trọ. Tuy nhiên, khi tiến hành thi công xây dựng thì bà T không thông báo cho bà P1 biết và không tiến hành đo đạc thống nhất ranh giới với bà P1. Khi bà T đang xây dựng thì bà P1 có đến phần đất và phát hiện phần nhà trọ của bà T đang xây dựng đã lấn chiếm sang phần đất của bà P1.

Thời điểm đó, bà P1 đã yêu cầu bà T dừng thi công để tiến hành đo đạc lại nhưng bà T không đồng ý và nói nếu sau này đo đạc lại mà nhà bà T có lấn sang đất của bà P1 thì bà T sẽ tự tháo dỡ, di dời tài sản của bà T khỏi đất của bà P1. Do đó, bà P1 đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã yêu cầu giải quyết nhưng kết quả không thành.

Nay, hộ bà P1 yêu cầu bà T di dời toàn bộ tài sản để trả diện tích lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m^2, phần đất

này hộ bà P1 xác định nằm trong thửa 1924, tờ bản đồ số 29. Hộ bà P1 tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng.

Bà P1 đồng ý diện tích, vị trí mốc theo sơ đồ đo đạc, thống nhất giá theo giá của Hội đồng định giá.

Bà P1 không thống nhất nhận giá trị đất, nếu nhận giá trị đất thì phần đất của bà P1 không còn giá trị sử dụng được.

- Bị đơn bà Trần Thị Ánh T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Huỳnh V1 trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha bà T tên Trần Văn T1 (chết năm 2009), mẹ là Nguyễn Kim Hoàng khai mở từ khoảng năm 1985. Cụ T1 được cấp quyền sử dụng đất năm nào thì không nhớ, nhưng sau khi cụ T1 chết thì bà T làm thủ tục thừa kế gồm thửa 6542, tờ bản đồ số 29, diện tích 190,5m^2, đất cây lâu năm; thửa 6541, tờ bản đồ 29, diện tích 100m^2 đất ở; thửa 6540, tờ bản đồ 29, diện tích 135,8m^2, đất cây lâu năm và một phần chưa đăng ký quyền sử dụng đất.

Bà T xác định theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m^2 là phần đất của bà T chưa đăng ký quyền sử dụng đất.

Khoảng năm 2021 do bà T xây dựng nhà trọ tạm, không kiên cố nên không xin phép xây dựng. Khi xây dựng bà P1 có mặt và kéo đo phần đất của bà P1 nhưng không có tranh chấp. Tuy nhiên, sau đó khoảng 01 tháng thì Uỷ ban nhân dân xã có gửi giấy mời để hòa giải phần đất tranh chấp của hộ bà P1.

Nay bà T không thống nhất yêu cầu khởi kiện của hộ bà P1. Bà T yêu cầu Tòa án công nhận cho bà T được đứng tên quyền sử dụng đất tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m^2 là phần đất bà T chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Không yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo công văn của Chi nhánh trả lời cho hộ bà P1 được đứng tên quyền sử dụng.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của hộ bà P1 thì thì bà T tự di dời phần tường đã xây trên phần đất tranh chấp. Bà T không yêu cầu bà P1 hỗ trợ chi phí di dời. Đối với phần tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời của bà P1 10.000.000 đồng thì bà T không nhận. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Về diện tích đo đạc của sơ đồ bà T không có ý kiến, thống nhất theo giá của hội đồng định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H2, bà Nguyễn Thị Thanh C5 trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Lương Tỷ P1.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Lương Tỷ P1 đối với bà Trần Thị Ánh T.

- Buộc bà Trần Thị Ánh T di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất 20,3m^2, thuộc một phần thửa 1924, tờ bản đồ số 29, tại các mốc mốc D, B, A, C về mốc D; Đất tọa lạc tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Ranh đất được xác định giữa hộ bà Lương Tỷ P1 và bà Trần Thị Ánh T tại thửa 1924 và thửa 6542, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là từ mốc D, C, A. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

- Hộ bà Lương Tỷ P1 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất đo đạc thực tế theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 22/02/2023 và chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 22/02/2023 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 22/02/2023).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Tỷ P1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011737 ngày 11/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí là 6.066.000 đồng do bà P1 đã tạm ứng và chi xong. Bà T có trách nhiệm trả lại cho bà P1 số tiền này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/10/2023, bà Trần Thị Ánh T là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Tỷ P1 và xem xét công nhận phần đất tranh chấp cho bà T. Bởi vì phần đất bà T xây dựng nhà trọ là của gia đình bà T quản lý, sử dụng từ năm 1974 cho đến nay.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lương Tỷ P1 trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, buộc bà T tháo dở, di dời toàn bộ tài sản để trả diện tích lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m2. Hộ bà P1 tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Huỳnh V1 trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T yêu cầu Tòa án công nhận cho bà T được đứng tên quyền sử dụng đất tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m2 đây là phần đất bà T chưa đăng ký. Ngoài ra trên phần đất

tranh chấp có dãy phòng trọ hiện có anh H7 và bà H2 là em ruột và mẹ của bà T đang ở 02 phòng cuối, đây là tài sản của người có quyền lợi liên quan, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà P1.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến*:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại giai đoạn cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Huỳnh V1 cho rằng diện tích 20.3m^2 mà bản án sơ thẩm tuyên buộc bà T tháo dở, di dời trả đất lại cho bà P1 là dính vào 02 phòng ở của bà Nguyễn Kim H2 và anh Trần Hoàng H7 là mẹ và em ruột chị T. Qua làm việc thì bà H2 và anh H7 cho rằng có bỏ tiền ra xây dựng 02 căn phòng trên để ở, bà H2 là người tu tại gia, nên không đồng ý tháo dở, di dời. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa làm rõ, nên đã không đưa bà H2 và anh H7 vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu xót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Ánh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho bà T được đứng tên quyền sử dụng đất tại vị trí các mốc A, B, D, C về mốc A có diện tích 20,3m^2, phần đất bà T xây dựng nhà là của gia đình bà T quản lý, sử dụng từ năm 1974 cho đến nay nhưng chưa đăng ký.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất là do bà P1 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thanh Thiên H3 vào khoảng năm 2004 với diện tích 223,6m^2, thuộc thửa 1924, tờ bản đồ 29, loại đất cây lâu năm. Giá chuyển nhượng là 45.000.000 đồng. Bà P1 đã giao đủ tiền, bà H3 đã giao đất và sang tên quyền sử dụng đất cho bà P1 vào năm 2004. Khi chuyển nhượng có đo đạc đủ diện tích, có người giáp ranh là ông Lương Thanh V1 (hiện nay do ông Phạm Ngọc Huỳnh giáp ranh) và người giáp ranh là ông Trần Văn T1 (hiện nay

là bà Nguyễn Thị Liên Đài và bà Trần Thị Ánh T giáp ranh) chứng kiến. Theo hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tọa độ lưới của hộ bà Lương Tỷ P1 vào năm 2005 đã thể hiện có chữ ký giáp ranh của ông Trần Văn T1 là người giáp ranh với thửa đất của hộ bà P1. Ông T1 đã ký xác nhận thống nhất ranh với hộ bà P1 (ông T1 là cha ruột bà T), phần đất hộ bà P1 được cấp diện tích 223,6m^2. Tuy nhiên sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích thực tế được thể hiện qua sơ đồ đo đạc hiện nay là 203,5m^2, đã tính luôn phần diện tích đang tranh chấp là 20,3m^2, nếu trừ lại phần đất tranh chấp thì phần đất hộ bà P1 không đủ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cũng như không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm ông T1 đã ký giáp ranh với đất hộ bà P1 là 4,5m.

[2.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T được cấp năm 2021 thì 03 thửa đất với tổng diện tích là 426,3m^2 (135,8m^2 + 100m^2 + 190,5m^2) gồm thửa 6540, 6541, 6542 nhưng thực tế đo đạc 03 thửa đất nêu trên theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 22/02/2023 có diện tích 516m^2, tại các mốc X, F, E, D, C, A, 10, 11 về mốc X (chưa tính diện tích tranh chấp). Như vậy, diện tích hiện tại bà T sử dụng đã dư 89,7m^2. Trong khi bà P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 223,6m^2, thửa 1924 nhưng đo đạc thực tế là 183,2m^2 (chưa tính phần đất tranh chấp). Nếu tính luôn phần đất tranh chấp do hộ bà P1 xác định thì diện tích hiện tại của bà P1 là 203,5m^2, vẫn còn thiếu 20,1m^2 so với diện tích được cấp theo tọa độ lưới.

Ngoài ra, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T từ năm 2013 đến nay thể hiện bà T được thừa kế quyền sử dụng đất từ ông T1 và đã nhiều lần xin đổi giấy, sửa sai, điều chỉnh lại diện tích qua các năm 2016, năm 2017 và cho đến năm 2021 bà T lại tiếp tục xin đổi giấy như vậy việc bà T cho rằng phần đất đang tranh chấp của bà T chưa đăng ký quyền sử dụng đất là không phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thể hiện tại hồ sơ vụ án.

[2.3] Trên phần đất tranh chấp có phần tường nhà trọ do bà T xây dựng, việc xây dựng này không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đồng thời, căn cứ vào Công văn phúc đáp của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh thì vị trí thửa đất số 1924, 6542, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ Trà thuộc quy hoạch chức năng đất ở mới, không phù hợp quy hoạch đất ở hiện trạng giữ lại (Không được chuyển mục đích sang đất ở theo Khoản 1 Điều 52 luật đất đai năm 2013). Do đó, hộ bà P1 yêu cầu buộc bà T phải di dời toàn bộ tài sản trên phần đất lấn chiếm ranh có diện tích 20,3m^2, tại các mốc D, B, A, C về mốc D là phù hợp.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà P1 buộc bà T phải di dời tài sản trên diện tích 20,3m^2 để trả lại cho bà P1, tuy nhiên trên diện tích 20,3m^2 qua biên bản và sơ đồ xem xét thẩm định có 06 phòng trọ ngang 4m, dài 7m xây bằng bê tông nếu di dời phải đập vách phòng đầu tiên là 1tất lớn dần đến phòng thứ 5 và 6 là 1,7m.

Trong 06 phòng trọ, thì 04 phòng đầu cho 04 người thuê tháng gồm các ông (bà) Nguyễn Phú Kinh, Phạm Thị Thu Em, Dương văn Công, Tô Thị Đậm

(*qua làm việc ở cấp phúc thẩm những người này có ý kiến nếu đập vách tường thì họ tự nguyện di dời và thuê chỗ khác ở, không có yêu cầu gì*). Riêng 02 phòng còn lại là 02 phòng cuối, thì khi bà T xây dựng dãy phòng trọ, anh Trần Hoàng H7 là em ruột của bà T đã hùn 50.000.000đ, còn bà Nguyễn Kim H2 là mẹ của chị T thì hùn 100.000.000đ để xây dựng và ở cố định (Do năm 2019 bà H2 đã bán căn nhà củ chỗ khác nên đã hùn tiền với bà T để xây dựng phòng ở đến nay). Hiện tại bà H2 đang tu tại gia phía trong nhà thời cúng nhiều tượng phật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Kim H2 và anh Trần Hoàng H7 có mặt trình bày: Số tiền mà bà H2 và anh H7 hùn vào để xây dựng phòng ở là 150.000.000 đồng, mục đích xây dựng là để ở cố định. Bà H2, anh H7 cương quyết không thống nhất cho đập vách tường vì không còn chỗ ở nào khác và cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết bà H2 và anh H7 không được tham gia trong vụ án này là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H2 và anh H7.

[4] Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Kim H2, anh Trần Hoàng H7 và những người thuê ở trọ tháng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách đương sự, dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với kháng cáo của bà Trần Thị Ánh T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và các khoản lệ phí, chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm bà Trần Thị Ánh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các khoản lệ phí, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại trong quá trình xét xử sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ánh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu số 0007031 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV&THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA (O).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Quang Thông